

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 27 – 10 - 2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Ông Lưu Đức Chung.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lò Văn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Mai Thị Thùy D, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: T15, ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Võ Anh T, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: 1829/1, tổ 6, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm

2020, nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn về tiền bạc, có những lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau, không hòa hợp về cách nuôi dạy con. Từ tháng 10 năm 2020 chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn anh T sống chung với cha mẹ anh T tại xã P, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 11/8/2009 và Võ Ngọc Gia KH, sinh ngày 13/8/2016. Hiện nay đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Chị có chỗ ở ổn định, có cha mẹ chị phụ chăm cháu, chị có việc làm và thu thập ổn định. Còn anh T thì thỉnh thoảng dẫn cháu KH về nuôi nhưng không có thời gian chăm sóc nên trả lại cho chị nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 68, 70, 72, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2020 và sống ly thân từ tháng 10 năm 2020, không có biện pháp đoàn tụ. Anh T không đến Tòa án, cho thấy tình cảm của anh T với chị D không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hân và cháu KH đang sống với chị D. Đề nghị giao 02 con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có, anh T không có ý kiến trình bày nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 189/2009, ngày 30/10/2009, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Xét việc anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là thể hiện anh T không còn quan tâm đến hôn nhân với chị D nữa. Như vậy, giữa anh chị không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa Chị D và anh T.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 11/8/2009 và Võ Ngọc Gia KH, sinh ngày 13/8/2016. Hiện nay hai cháu đang sống chung với chị D cùng ông bà ngoại. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng không có ý kiến gì nộp và gửi cho Tòa án, còn chị D trình bày chị có chỗ ở và công việc ổn định, đảm bảo nuôi dưỡng con tốt. Cháu Hân có nguyện vọng được sống với chị D. Do đó, yêu cầu về con chung của chị D là có căn cứ chấp nhận, giao 02 con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T không gửi yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D khai không có, còn anh T không gửi yêu cầu gì cho Tòa án và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thùy D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Võ Anh T, cho ly hôn giữa chị D và anh T.

Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 11/8/2009 và cháu Võ Ngọc Gia KH, sinh ngày 13/8/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005432 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp xong.

Chị D, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã P.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hoa**



Chị D, anh Ân được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hoa**